

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 7 -2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hạnh

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Tuấn Ngọc- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 433/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 491/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T; ĐKKHKT: Số 7 Lô 86 Công nhân Dư H, phường Dư H, quận C, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Số 4/229 Lê Thánh T, phường C, quận Q, thành phố Hải Phòng, có mặt;

- Bị đơn: Bà Vũ Thị N; nơi cư trú: Số 7 Lô 86 Công nhân Dư H, phường H, quận C, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 12 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày: Ông và bà Vũ Thị N xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND khu phố Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào ngày 12 tháng 7 năm 1978 (nay là Ủy ban

nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng).

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng nhau trong cách sống, lối sống, quan điểm trong cuộc sống của hai bên không hòa hợp, hơn nữa bà N không quan tâm đến gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, xô xát. Tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, hai bên đã sống ly thân nhau từ năm 2008. Từ năm 2014 cho đến nay ông đã thuê nhà ra nơi khác để ở, mỗi người sống một nơi không có sự quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay ông T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên ông T đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Vũ Thị N.

Về nuôi con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung là Phạm Thị G, sinh ngày 04/12/197x và Phạm Thái S, sinh ngày 03/11/198y. Nay các con đều đã thành niên nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T và bà Ng sẽ tự giải quyết với nhau nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập bà Vũ Thị N đến Tòa án làm việc vào các ngày 26/4/2021; 05/5/2021; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà Vũ Thị N nhưng bà N không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 31/5/2021 và không tham gia hòa giải vào ngày 08/6/2021.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành làm việc với chính quyền địa phương cũng như đại diện gia đình cho thấy: Ông T và bà N xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân khu phố Lê Chân vào năm 197z. Đến nay có hai con chung. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhau. Nguyên nhân cụ thể về việc vợ chồng mâu thuẫn thì không rõ, chỉ biết là hai bên đã sống ly thân nhau từ năm 2008 cho đến nay. Hiện ông T chuyển đi sống ở nơi khác còn bà Nguyệt và con trai sống tại số 7 Lô 86 Công nhân Dư H, phường Dư H, quận C, thành phố Hải Phòng. Hai bên sống không có sự quan tâm nhau từ năm 2008 cho đến nay. Nay ông T có đơn xin ly hôn nên đề nghị Tòa án căn cứ vào mâu thuẫn của ông T và bà N cũng như các quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Ông Thắng và bà Nguyệt có 02 con chung là Phạm Thị G, sinh ngày 04/12/197x và Phạm Thái S, sinh ngày 03/11/198y, hiện nay con lớn của ông T và bà N đã xây dựng gia đình còn con trai ở cùng bà N nhưng đã trưởng thành nên chính quyền địa phương cũng như đại diện gia đình không có ý kiến gì.

Về tài sản riêng của ông T và bà N là vấn đề cá nhân riêng tư nên chính quyền địa phương cũng như đại diện gia đình không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật

Về nội dung vụ án: Ông T và bà N lấy nhau có đăng ký kết hôn vì vậy là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, đến nay hai bên đã sống ly thân nhau, tình cảm vợ chồng ông T và bà N không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX căn cứ theo quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần xử cho ông Thắng được ly hôn bà Nguyệt.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Phạm Thị G, sinh ngày 04/12/197x và Phạm Thái S, sinh ngày 03/11/198y. Hiện nay các con đều đã thành niên nên không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T và bà N sẽ tự giải quyết với nhau nên ông T không có yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Do ông T là người cao tuổi nên ông T không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn Vũ Thị N, sinh năm 195b; nơi cư trú: Số 7 Lô 86 Công nhân Dư H, phường Dư H, quận C, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn bà Vũ Thị N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt do vậy HĐXX căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Vũ Thị N.

- Về hôn nhân:

[3] Việc kết hôn giữa ông Phạm văn T và bà Vũ Thị N tuân thủ đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bà Vũ Thị N đến Tòa án làm việc nhưng bà N đều không đến để tham gia giải quyết vụ án qua đó cho thấy bà N cũng không còn tha thiết níu kéo tình cảm với ông T. Đồng thời qua các tài liệu xác minh thu thập chứng cứ đã xác nhận ông T và bà N có mâu thuẫn, hai bên đã sống ly thân nhau từ năm 2008 cho đến nay, không còn sự chia sẻ, quan tâm đến nhau. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông T và bà N trên thực tế đã không còn, mâu thuẫn thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bởi vậy, yêu cầu của ông T được ly hôn với bà N là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với thực tế và phù hợp với các quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Ông T và bà N có 02 con chung là Phạm Thị G, sinh ngày 04/12/197x và Phạm Thái S, sinh ngày 03/11/198y đến nay các con đều đã thành niên nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Ông Phạm Văn T trình bày ông sẽ tự giải quyết với bà Vũ Thị N nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[8] Về án phí: Ông T là người cao tuổi nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị N.
- Về án phí: Ông Phạm Văn T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Vũ Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- UBND Quận Lê Chân (GCNKH 12/7/1978);
- Chi cục thi hành án dân sự quận Lê Chân;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hải Yến

